***BÀI TẬP MẪU ĐỀ 01***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu hỏi 1 | Mở tập tin Baimau\_De01\_dulieu.docx, sau đó lưu lại với định dạng HovatenSV\_MSSV\_NhomHP.docx |  |
| Câu hỏi 2 | * Định dạng khổ giấy A4 * Căn lề văn bản theo kích thước: Top: 2cm Bottom: 2cm Left: 3cm Right: 2cm * Định dạng font chữ Times New Romance, 13pt cho toàn văn bản * Giãn dòng 1,5 lines cho toàn văn bản |  |
| Câu hỏi 3 | * Chèn Header: Banded * Title Document: Họ và tên SV\_MSSV |  |
|  | Page 1 |  |
| Câu hỏi 4 | * Insert number cho dòng “Hướng dẫn sử dụng…” và “Chèn ký tự…” * Điều chỉnh number position: 0 cm và Text indent: 0.5 cm |  |
| Câu hỏi 5 | * Chia 2 cột cho cột cho đoạn văn bản từ dòng “Ctrl+E” đến dòng “Ctrl+U”, với thuộc tính:   + Equal column width: True/Yes   + Spacing: 0.5 cm   + NO line between   + Font size: 12pt |  |
| Câu hỏi 6 | * Tạo macro có tên Indam và lưu trữ trong file hiện tại   + Gán shortcut: Ctrl+8   + Gán giá trị của macro là: **Bold** * Thực hiện macro Indam cho các từ: “Ctrl + …” của các dòng từ “Ctrl + E” đến “Ctrl+U” * Thực hiện macro Indam cho các dòng: “1. Hướng dẫn..” và “2. Chèn ký tự đặc biệt” |  |
| Câu hỏi 7 | * Sử dụng tính năng hyperlink để chèn liên kết cho từ “**Microsoft Word**” trong đoạn 1. Với đường link sau:   + <https://vi.wikipedia.org/wiki/Microsoft_Word> |  |
| Câu hỏi 8 | * Chèn shape có tên 8-points Star vào đoạn văn bản chia 2 cột với   + Kích thước: Width: 5cm Height: 3.5cm   + Shape outline:     - Color: Orange, Accent 1, Darker 25%     - Dash: -----     - Width: 1pt   + Text: 8   + Shape fill: No fill |  |
| Câu hỏi 9 | * Chèn Bullets cho 3 dòng cuối cùng của văn bản   + Giá trị bullets: **🏵**   + Number position: 0 cm   + Text indent: 0.5 cm   + Follow number with: Tab character |  |
| Câu hỏi 10 | * Chèn hình ảnh từ cửa sổ Symbol của thao tác ở câu hỏi 9   + Điều chỉnh tỷ lệ (Scale) chiều cao (Heigh) và chiều rộng (Width): 40% và 40%   + Định dạng Picture Effect với thuộc tính Bevel là Circle   + Picture Style: Drop Shadow Rectangle   + Wrap text: Square   + Dịch chuyển hình ảnh sang bên phải của 3 đoạn cuối |  |
| Câu hỏi 11 | * Chèn Caption cho hình ảnh câu 10 với Label là Figure * Caption là – Chèn bullets với giá trị symbol * Vị trí bên dưới khung hình |  |
| Câu hỏi 12 | * Chèn Footnote cho từ Hy Lạp ở vị trí paragraph 2 với nội dung như sau: là hệ thống 24 ký tự được dùng để viết tiếng Hy Lạp từ cuối thế kỷ thứ IX trước Công nguyên hoặc đầu thế kỷ thứ VIII trước Công nguyên. * Hiệu chỉnh Footnote thành định dạng: |  |
| Câu hỏi 13 | * Chèn SmartArt ở vị trí cuối trang 1 với định dạng Process: Basic Chevron Process * Thay thế các từ Text của SmartArt bằng cách cắt (cut) các cụm từ:   Windows  MacOS  Linux  Others   * Thay đổi màu sắc: Colorful Range – Accent color 4 to 5 * Size: Height: 3cm Width: 15cm |  |
| Câu hỏi 14 | * Chèn Word Art cho dòng: “Các bước cơ bản để chèn ký tự đặc biệt trong word”   + Style: Fill – White, Outline - Accent 1, Shadow   + Transform: Circle   + Size: Width: 8cm; Height: 5cm |  |
| Câu hỏi 15 | * Convert văn bản thành Table cho paragraph “Phiên bản”…”Windows7”   + 3 cột, 5 hàng   + Autofit to contents   + Separate: , * Table Style: Grid Table 4, Accent 6 * Line Spacing: 1,5 lines |  |
| Câu hỏi 16 | * Chèn Caption cho Table   + Lable: Table   + Position: Above   + Caption: - Năm phát hành MS Office |  |
| Câu hỏi 17 | * Chèn Cross reference cho Table 1   + Reference Type: Table   + Insert reference to: Entire caption * Chèn Cross reference cho Figure 1   + Reference Type: Figure   + Insert reference to: Only number and label |  |
| Câu hỏi 18 | * Chèn Pie Chart vào cuối cùng Trang 1 * Thay thế và thêm mới các Category và số liệu lần lượt là:   + Windows: 50   + Linux: 30   + MacOS: 10   + Chrome: 10 * Title: HỆ ĐIỀU HÀNH * Chart Style: Style 9 * Size: Height: 5cm Width: 8cm * Wraptex: In front of text * Dịch chuyển sang bên phải Table 1 |  |